

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NÂNG CAO MÔN LỊCH SỬ

(Kèm theo Thông tư số /TT-BGDĐT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Hà Nội, 2025

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NÂNG CAO MÔN LỊCH SỬ TRONG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CHUYÊN

Chương trình giáo dục nâng cao các môn chuyên nhằm mục đích phát triển năng khiếu của học sinh đối với môn Lịch sử trên cơ sở đảm bảo giáo dục phổ thông toàn diện; Giúp học sinh có khả năng tự học, nghiên cứu khoa học và sáng tạo; Giáo dục các em thành người có lòng yêu nước, tinh thần vượt khó, tự hào, tự tôn dân tộc; Giúp học sinh có sức khỏe tốt để tiếp tục đào tạo thành nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Bên cạnh việc tiếp thu, kế thừa thành công, ưu điểm của chương trình giáo dục nâng cao môn Lịch sử hiện hành của Việt Nam, Chương trình môn Lịch sử được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu chuyên sâu chương trình môn học này của một số quốc gia, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế (.....). Kết quả nghiên cứu đó cho phép rút ra các xu hướng chung trong xây dựng chương trình giáo dục nâng cao môn Lịch sử vận dụng cho Việt Nam.

Chương trình giáo dục nâng cao các môn chuyên kế thừa, nâng cao từ nội dung chương trình môn học quy định tại Chương trình giáo dục phổ thông. Chương trình giáo dục nâng cao môn học hệ thống hoá, nâng cao kiến thức, phát triển kỹ năng và giá trị cốt lõi của học sinh đã được học từ Chương trình giáo dục phổ thông nhằm phát triển năng khiếu của học sinh đối với từng môn chuyên. Nội dung giáo dục môn chuyên tại trường trung học phổ thông chuyên bao gồm nội dung chương trình môn học được ban hành tại Chương trình giáo dục phổ thông và chương trình giáo dục nâng cao môn học.

I. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NÂNG CAO

Chương trình giáo dục nâng cao môn Lịch sử dành cho học sinh đạt kết quả xuất sắc trong học tập nhằm phát triển năng khiếu về môn học trên cơ sở bảo đảm giáo dục phổ thông toàn diện, tạo nguồn đào tạo nhân tài, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước; đồng thời cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung đã được hình thành trong giai đoạn giáo dục cơ bản, đặc biệt là tình yêu quê hương, đất nước; thái độ ứng xử đúng đắn với môi trường tự nhiên, xã hội; khả năng tự học, nghiên cứu khoa học và sáng tạo, khả năng định hướng nghề nghiệp.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT VÀ THỜI LƯỢNG GIẢNG DẠY

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Chương trình giáo dục nâng cao môn Lịch sử dành cho học sinh trường trung học phổ thông chuyên góp phần hình thành và phát triển ở học sinh các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học, cấp học đã được quy định tại nội dung dạy học tổng thể; đó là phẩm chất yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, tự chủ và tự học và các năng lực cốt lõi và đặc thù ở mức độ cao, phù hợp với học sinh trường chuyên.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Chương trình giáo dục nâng cao môn Lịch sử dành cho học sinh trường trung học phổ thông chuyên góp phần hình thành và phát triển cho học sinh các năng lực: Lịch sử

3. Thời lượng giảng dạy nội dung giáo dục nâng cao

Thực hiện chương trình giáo dục nâng cao môn Lịch sử với thời lượng 70 tiết¹.

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC NÂNG CAO MÔN HỌC

Chương trình giáo dục nâng cao môn Lịch sử gồm nội dung giáo dục nâng cao bắt buộc (56 tiết) và nội dung giáo dục nâng cao lựa chọn² (14 tiết). Nội dung giáo dục nâng cao bắt buộc bao gồm các chuyên đề nâng cao. Nội dung giáo dục nâng cao lựa chọn **đành cho các THPT chuyên lựa chọn và xây dựng** bao gồm: nội dung về lịch sử thế giới và lịch sử Việt Nam; nội dung bồi dưỡng kiến thức học sinh giỏi; thực hành, trải nghiệm, tham quan học tập lịch sử; ôn tập củng cố hệ thống hóa kiến thức lịch sử; bài tập lịch sử...Nội dung giáo dục nâng cao bắt buộc cụ thể:

3.1. Nội dung giáo dục nâng cao bắt buộc

1. Mạch nội dung nâng cao

STT	Tên chuyên đề nâng cao	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
-----	------------------------	--------	--------	--------

¹ Thời lượng dành cho nội dung giáo dục nâng cao các môn chuyên tại trường THPT chuyên: Ngữ văn, Toán, Lịch sử (70 tiết); Địa lí, Tin học, Vật lí, Hoá học, Sinh học (55 tiết); Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Đức, Tiếng Pháp, Tiếng Hàn, Tiếng Trung, Tiếng Nhật (105 tiết).

² Lưu ý:

- Chương trình giáo dục nâng cao các môn Toán, Tin học, Vật lí, Hoá học, Sinh học bao gồm nội dung giáo dục nâng cao bắt buộc (chiếm 80% thời lượng) và nội dung giáo dục nâng cao lựa chọn (chiếm 20% thời lượng).
- Nội dung này tùy thuộc môn học có thể có hoặc không có phần lựa chọn; phần lựa chọn nếu có cần phải có đủ lớn các chuyên đề để các đối tượng lựa chọn và quy định rõ chọn theo định hướng nào, chọn bao nhiêu chuyên đề để đảm bảo thời lượng theo quy định.

1	Đặc điểm các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây	x		
2	Những chuyển biến của Đại Việt từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII	x		
3	Những đặc điểm của truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII	x		
4	Các trào lưu cứu nước ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX		x	
5	Thế kỉ XX – thế kỉ của phong trào giải phóng dân tộc thế giới		x	
6	Vấn đề biển Đông trong quan hệ khu vực và quốc tế		x	
7	Việt Nam và ASEAN: từ đối đầu đến hội nhập			x
8	Hậu phương trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ (1945-1975)			x
9	Ngoại giao Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1945 - 1975)			x

2. Nội dung các chuyên đề

Chuyên đề 1. ĐẶC ĐIỂM CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG ĐÔNG VÀ PHƯƠNG TÂY

TT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1	<p>Đặc điểm về điều kiện tự nhiên</p> <p>- Các quốc gia cổ đại phương Đông: hình thành bên lưu vực các dòng sông lớn,...có các cánh đồng lớn, đất đai phì nhiêu,...</p> <p>- Các quốc gia cổ đại phương Tây: hình thành trên các thung lũng nhỏ hẹp; dòng sông nhỏ; phần lớn lãnh thổ là núi, cao nguyên; có cảng, vịnh tốt; có nhiều mỏ,...</p>	<p>- Nêu và phân tích được đặc điểm điều kiện tự nhiên của các quốc gia cổ đại phương Đông.</p> <p>- Nêu và phân tích được đặc điểm điều kiện tự nhiên của các quốc gia cổ đại phương Tây.</p>	<p>Làm rõ những lợi thế và hạn chế ở hai khu vực</p> <p>Học sinh tự so sánh rút ra điểm khác nhau.</p>

2	<p>Đặc điểm về kinh tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các quốc gia cổ đại phương Đông: kinh tế nông nghiệp đóng vai trò chủ đạo, nông nghiệp gắn với công tác thủy lợi; tính chất nền kinh tế,... - Các quốc gia cổ đại phương Tây: kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp đóng vai trò chủ đạo; nền nông nghiệp hạn chế; tính chất nền kinh tế,... 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu và phân tích được đặc điểm kinh tế của các quốc gia cổ đại phương Đông. - Nêu và phân tích được đặc điểm kinh tế của các quốc gia cổ đại phương Tây. 	<p>Học sinh so sánh tự rút ra điểm khác nhau</p> <p>Sử dụng các sự kiện để làm rõ đặc trưng của hai khu vực</p>
3	<p>Đặc điểm chính trị</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các quốc gia cổ đại phương Đông: nhà nước ra đời sớm, chế độ quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền,... - Các quốc gia cổ đại phương Tây: nhà nước ra đời muộn, chế độ dân chủ chủ nô,... 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu và phân tích được đặc điểm chính trị của các quốc gia cổ đại phương Đông. - Nêu và phân tích được đặc điểm chính trị của các quốc gia cổ đại phương Tây. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vai trò của vua ở phương Đông - Vai trò của Đại hội công dân ở phương Tây - Sử dụng các sự kiện cụ thể để phân tích đặc trưng của hai khu vực.

4	<p>Đặc điểm về xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các quốc gia cổ đại phương Đông: gồm hai giai cấp đối kháng: vua, quý tộc, quan lại, tăng lữ,... và nông dân công xã, thợ thủ công và nô lệ. - Các quốc gia cổ đại phương Tây: gồm hai giai cấp đối kháng: chủ nô và nô lệ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu và phân tích được đặc điểm xã hội của các quốc gia cổ đại phương Đông. - Nêu và phân tích được đặc điểm xã hội của các quốc gia cổ đại phương Tây. 	<p>Chú ý vai trò của các giai cấp trong xã hội.</p> <p>Sử dụng sự kiện cụ thể để làm rõ đặc trưng của hai khu vực.</p> <p>HS tự rút ra sự khác nhau.</p>
5	<p>Đặc điểm về văn hóa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các quốc gia cổ đại phương Đông: văn hóa xuất hiện sớm, đặt nền móng cho nền văn hóa thế giới, tính cụ thể, đồ sộ, uy nghi, ảnh hưởng tôn giáo,... - Các quốc gia cổ đại phương Tây: tiếp thu văn hóa phương Đông, tính khái quát, tinh tế, khoa học, giá trị,... 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu và phân tích được đặc điểm văn hóa của các quốc gia cổ đại phương Đông. - Nêu và phân tích được đặc điểm văn hóa của các quốc gia cổ đại phương Tây. 	<p>Khi phân tích cần đưa ra những thành tựu tiêu biểu cụ thể để làm rõ đặc trưng hai khu vực.</p> <p>HS tự so sánh chỉ ra</p>

			sự khác nhau.
--	--	--	------------------

Chuyên đề 2: NHỮNG CHUYỂN BIẾN CỦA ĐẠI VIỆT TỪ THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII

TT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1	<i>Mở rộng lãnh thổ</i>		
	- Khái quát quá trình mở rộng và xác lập chủ quyền lãnh thổ Đại Việt xuống phía nam	- Trình bày được những nét lớn quá trình mở rộng và xác lập chủ quyền lãnh thổ Đại Việt xuống phía nam của chúa Nguyễn.	
	- Khái quát quá trình xác lập chủ quyền biển đảo	- Trình bày được những nét lớn quá trình xác lập chủ quyền biển đảo của chúa Nguyễn. - Phân tích được vai trò của chúa Nguyễn đối với quá trình xác lập chủ quyền biên giới, biển đảo của Việt Nam.	
2	<i>Chuyển biến về chính trị</i>		
	- Vua Lê Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài	- Trình bày và nhận xét được tổ chức bộ máy nhà nước ở Đàng Ngoài.	
	- Chúa Nguyễn ở Đàng Trong	- Trình bày và nhận xét được tổ chức bộ máy nhà nước ở Đàng Trong. - Chỉ ra được sự khác nhau (chuyển biến) về chính trị so với trước thế kỉ XVI.	
3	<i>Chuyển biến về xã hội</i>		
	- Tình hình xã hội ở Đàng Ngoài	- Trình bày và nhận xét được tình hình xã hội ở Đàng Ngoài.	
	- Tình hình xã hội ở Đàng Trong	- Trình bày và nhận xét được tình hình xã hội ở Đàng Trong.	
	- Mâu thuẫn xã hội và các cuộc khởi nghĩa nông dân	- Phân tích được các mâu thuẫn xã hội và những nét chính về các cuộc khởi nghĩa nông dân trong các thế kỉ XVI-XVIII.	
4	<i>Chuyển biến về kinh tế</i>		

	- Kinh tế Đảng Ngoài	- Trình bày và nhận xét được tình hình kinh tế ở Đảng Ngoài.	
	- Kinh tế Đảng Trong	- Trình bày và nhận xét được tình hình kinh tế ở Đảng Trong.	
	- Sự phát triển nền kinh tế hàng hóa	- Phân tích được những biểu hiện sự phát triển kinh tế hàng hóa.	
	- Sự xuất hiện các đô thị cổ	- Nêu được những nét chính về các đô thị cổ ở Việt Nam thời kì này.	
5	<i>Chuyển biến về văn hóa</i>		
	- Chuyển biến về tư tưởng, tôn giáo, tín ngưỡng; giáo dục và khoa cử; văn học nghệ thuật.		
	+ Văn hóa Đảng Ngoài	- Trình bày và nhận xét được tình hình văn hóa ở Đảng Ngoài	
	+ Văn hóa Đảng Trong	- Trình bày và nhận xét được tình hình văn hóa ở Đảng Trong	
	- Quá trình tiếp xúc, giao thoa văn hóa phương Tây	- Phân tích được những biểu hiện của tiếp xúc, giao thoa văn hóa phương Tây. - Lí giải vì sao mà một số mặt trong đời sống kinh tế, văn hóa Việt Nam trong thời kì nội chiến vẫn có bước phát triển.	

Chuyên đề 3: NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CỦA TRUYỀN THỐNG ĐÁNH GIỮ NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM (TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XVIII)

TT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1	Khái quát các cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII		
	- Thời kì xây dựng quyền tự chủ đầu thế kỉ X	- Trình bày khái quát các cuộc kháng chiến trong lịch	

	<ul style="list-style-type: none"> - Cuộc kháng chiến của Ngô Quyền chống quân xâm lược Nam Hán (938), kháng chiến của Lê Hoàn chống Tống lần thứ nhất (981). - Kháng chiến của nhà Lý chống Tống lần thứ hai (1075-1077) - Ba lần kháng chiến của nhà Trần chống quân xâm lược Mông Nguyên thế kỉ XIII. - Kháng chiến của nhà Hồ và khởi nghĩa Lam Sơn (đầu thế kỉ XV). - Kháng chiến chống Xiêm (1785) và quân xâm lược nhà Thanh (1789) của Tây Sơn 	<ul style="list-style-type: none"> sử dân tộc từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII. - Xác định được những điểm chung giống nhau, những điểm khác nhau trong các cuộc kháng chiến giành và bảo vệ độc lập dân tộc. - Phân tích được nguyên nhân dẫn đến những thắng lợi trong cuộc kháng chiến của dân tộc. - Giải thích được vì sao dân tộc ta luôn luôn phải đương đầu chống lại sự xâm lược của các thế lực bên ngoài, bảo vệ độc lập dân tộc. - Nêu được những nét độc đáo trong mỗi cuộc kháng chiến của dân tộc. 	
2	Những đặc điểm cơ bản trong truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam		
	<ul style="list-style-type: none"> - Tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc. - Kết hợp chặt chẽ giữa quân sự, chính trị và ngoại giao. - Vận dụng và sáng tạo nghệ thuật đánh giặc giữ nước của các cuộc kháng chiến trước. - Ý chí quyết chiến quyết thắng. - Chịu đựng gian khổ, sẵn sàng hi sinh vì độc lập dân tộc, biết đánh lâu dài khi cần thiết,... 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm: chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc; Kết hợp đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao; Nghệ thuật quân sự; Ý chí quyết chiến quyết thắng, đánh lâu dài. - Xác định được những sự kiện lịch sử phản ánh những đặc điểm trong truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam. - Trình bày được những biểu hiện của từng đặc điểm trong truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam . - Phân tích được vai trò của từng đặc điểm trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc. 	
3	Giá trị lịch sử của truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam.		
	- Những giá trị của truyền thống chống giặc ngoại xâm.	- Rút ra được những bài học kinh nghiệm từ truyền	

	<ul style="list-style-type: none"> - Sự vận dụng sáng tạo của Đảng và Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975). - Những giá trị truyền thống trong thời đại ngày nay. 	<ul style="list-style-type: none"> thống đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam. - Nêu được những quy luật trong quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. - Giải thích được đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp: Toàn dân, toàn diện, trường kì và tự lực cánh sinh. - Vận dụng được những kinh nghiệm từ truyền thống chống giặc ngoại xâm trước đây vào sự nghiệp dựng nước và giữ nước hiện nay. - Tự hào về truyền thống đánh giặc giữ nước của ông cha ta. 	
--	--	--	--

Chuyên đề 4: CÁC TRÀO LƯU CỨU NƯỚC Ở VIỆT NAM TỪ CUỐI THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

TT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1	<i>Trào lưu cứu nước theo tư tưởng phong kiến ở Việt Nam những năm cuối thế kỉ XIX</i>		
	<ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh lịch sử - Mục tiêu và nội dung phong trào - Tính chất, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thất bại và bài học lịch sử 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những nét chính về tình hình kinh tế, xã hội Việt Nam những năm cuối thế kỉ XIX - Trình bày điều kiện bùng nổ, mục tiêu và nội dung của các phong trào chống Pháp ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX - Phân tích được tính chất, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thất bại và bài học lịch sử của các phong trào chống Pháp ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX 	
2	<i>Trào lưu cứu nước theo tư tưởng dân chủ tư sản ở Việt Nam đầu thế kỉ XX</i>		

	<ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh lịch sử - Mục tiêu và nội dung trào lưu cứu nước - Tính chất, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thất bại và bài học lịch sử 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những chuyển biến cơ bản của tình hình thế giới và Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX. - Lý giải được những chuyển biến mới ở trong nước là cơ sở hình thành các trào lưu cứu nước mới ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. - Phân tích được tính chất, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thất bại và bài học lịch sử của các phong trào chống Pháp ở Việt Nam đầu thế kỉ XX 	
3	<i>Trào lưu cứu nước theo tư tưởng vô sản ở Việt Nam những năm 20 của thế kỉ XX</i>		
	<ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh lịch sử - Mục tiêu và nội dung trào lưu cứu nước - Tính chất, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thành công 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được những chuyển biến cơ bản của tình hình thế giới và Việt Nam những năm 20 của thế kỉ XX. - Lý giải được những chuyển biến mới ở trong nước là cơ sở hình thành các trào lưu cứu nước mới ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. - Phân tích được tính chất, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thành công. - So sánh được các trào lưu cứu nước đầu thế kỉ XX với cuối thế kỉ XIX. - Thấu hiểu sự trăn trở tìm con đường cứu nước, giành độc lập dân tộc của các bậc tiền bối. 	

Chuyên đề 5. THẾ KỈ XX – THẾ KỈ CỦA PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC THẾ GIỚI

TT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1	<i>Khái quát quá trình xâm lược, chính sách cai trị của thực dân phương Tây và cuộc đấu tranh chống thực dân</i>		

	<p><i>của nhân dân Á, Phi và Mỹ Latinh đến năm 1918</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình xâm lược các nước Á, Phi và Mỹ Latinh. - Chính sách cai trị của chủ nghĩa thực dân và hệ quả của nó. - Yêu cầu lịch sử đặt ra đối với sự nghiệp GPDT ở các nước Á, Phi và Mỹ Latinh. - Phong trào đấu tranh bảo vệ và giành độc lập dân tộc của nhân dân các nước Á, Phi và Mỹ Latinh từ khi bị xâm lược đến năm 1918. <p>+ Cuộc đấu tranh chống xâm lược</p> <p>+ Phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những nét chính về quá trình xâm lược của thực dân phương Tây ở các nước Á, Phi và Mỹ Latinh. - Trình bày được chính sách cai trị của chủ nghĩa thực dân ở các nước thuộc địa và phân tích được hệ quả của nó. - Qua phân tích nguyên nhân (qua sự xâm lược và chính sách cai trị của thực dân) dẫn tới các cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, từ đó nêu được yêu cầu lịch sử của các dân tộc Á, Phi và Mỹ Latinh. - Khái quát được phong trào đấu tranh chống xâm lược và giải phóng dân tộc thế giới đến năm 1918 (Giai đoạn chống xâm lược: thời điểm, mục tiêu, hình thức đấu tranh, quy mô, tính chất,...; Giai đoạn đấu tranh giành độc lập: các xu hướng đấu tranh khác nhau,...). Nêu được sự khác nhau nội dung đấu tranh mỗi giai đoạn. - Thấu hiểu nỗi thống khổ của nhân dân các dân tộc thuộc địa dưới chế độ thực dân. 	<p>Mục tiêu của nội dung này là làm rõ vì sao nhân dân các nước thuộc địa đứng lên chống xâm lược</p>
2	<p><i>Sự thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc thế giới thế kỉ XX</i></p> <p>a. Thời kì từ năm 1918 đến năm 1945</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân tố khách quan và chủ quan tác động tới cuộc đấu tranh giành độc lập (1918 – 1945) 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được nhân tố khách quan và chủ quan tác động đến phong trào GPDT từ năm 1918 đến năm 1945. 	<p>Mục tiêu của nội dung này là làm rõ</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Những nét lớn về phong trào GPDT thế giới (1918 – 1945) - Thành tựu bước đầu của phong trào GPDT (1918 – 1945) 	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát được nội dung, trình bày được các xu hướng trong phong trào GPDT thời kì này. - Đánh giá được thành tựu của phong trào giải phóng dân tộc thời kì này. 	thắng lợi bước đầu của phong trào GPDT thế kỉ XX
	<p>b. Thời kì từ năm 1945 đến năm 1999.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân tố khách quan và chủ quan tác động tới phong trào GPDT thế giới từ năm 1945 đến năm 1999. - Những nét lớn về phong trào GPDT thế giới từ năm 1945 đến năm 1999. + Nội dung cuộc đấu tranh + Các giai đoạn phát triển thắng lợi <ul style="list-style-type: none"> Giai đoạn 1945 – 1954 Giai đoạn 1954 – 1960 Giai đoạn 1960 – 1975 Giai đoạn 1975 – 1999 <p>Kết quả và ý nghĩa thắng lợi của phong trào GPDT</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được nhân tố khách quan và chủ quan tác động đến phong trào GPDT thế giới thời kì này. - Khái quát được nội dung chủ yếu của phong trào GPDT thời kì này. - Trình bày được các bước phát triển thắng lợi của phong trào GPDT thế giới qua từng giai đoạn về: địa bàn, mục tiêu, kết quả,... - Giải thích được tại sao lại gọi thế kỉ XX là thế kỉ của phong trào GPDT. - Khái quát được kết quả, phân tích được ý nghĩa thắng lợi của phong trào GPDT thế kỉ XX. - Có ý thức trân trọng thành quả của cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị thực dân nô dịch. 	Mục tiêu nội dung này là trình bày và phân tích bước thắng lợi nhảy vọt của phong trào GPDT từ năm 1945 trở đi.

Chuyên đề 6. VẤN ĐỀ BIỂN ĐÔNG TRONG QUAN HỆ KHU VỰC VÀ QUỐC TẾ

TT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1	<p>Khái niệm, vị trí, tầm quan trọng và tiềm năng của Biển Đông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm (tên gọi Biển Đông) của các nước trong khu vực và quốc tế - Vị trí, tầm quan trọng và tiềm năng của Biển Đông 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được xuất xứ tên gọi Biển Đông của các nước trong khu vực và quốc tế. - Xác định được vị trí Biển Đông trên bản đồ/lược đồ. - Lý giải được tầm quan trọng của Biển Đông về giao thông, về vị trí chiến lược. - Trình bày được tiềm năng của Biển Đông. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tại sao lại có tên gọi khác nhau về Biển Đông? -Tiềm năng: tập trung vào nguồn tài nguyên phong phú
2	<p>Thực trạng tranh chấp ở Biển Đông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tranh chấp chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa - Tranh chấp về ranh giới các vùng biển và thềm lục địa 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được các loại tranh chấp chủ yếu ở Biển Đông. - Trình bày khái quát được thực trạng tranh chấp ở Biển Đông từ đầu thế kỉ XX đến nay. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận dạng được hai loại tranh chấp - Tập trung vào tranh chấp giữa TQ với VN
3	<p>Lợi ích và chính sách của một số nước lớn và các nước ASEAN ở Biển Đông</p>		

	<ul style="list-style-type: none"> - Lợi ích và chính sách của Trung Quốc + Lợi ích + Chính sách - Lợi ích và chính sách của Mỹ + Lợi ích + Chính sách - Lợi ích và chính sách của Nhật Bản + Lợi ích + Chính sách - Lợi ích và chính sách của ASEAN + Lợi ích + Chính sách 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được lợi ích (kinh tế, chính trị - quân sự,...) và chính sách của Trung Quốc ở Biển Đông. - Phân tích được lợi ích (kinh tế, an ninh, tự do hàng hải,...) và chính sách của Mỹ ở Biển Đông. - Phân tích được lợi ích (giao thông, kinh tế và an ninh,...) và chính sách của Nhật Bản ở Biển Đông. - Phân tích được lợi ích của các nước ASEAN ở Biển Đông và lí giải vì sao các nước trong ASEAN “vừa hợp tác” lại “vừa chia rẽ” trong vấn đề Biển Đông. - Hiểu được tính phức tạp của vấn đề Biển Đông, đồng cảm và chia sẻ những khó khăn của Việt Nam trong cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo hiện nay. - Có ý thức và sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> -Chú ý hệ quả chính sách của TQ (phản ứng của quốc tế trước chính sách của TQ) -Nêu được tính phức tạp và các quan điểm khác nhau của các nước ASEAN trong vấn đề Biển Đông, tập trung vào sự hợp tác vì lợi ích chung.
--	---	--	--

Chuyên đề 7. VIỆT NAM VÀ ASEAN: TỪ ĐỐI ĐẦU ĐẾN HỘI NHẬP

TT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
1	<p>Khái quát bối cảnh thế giới và khu vực trong và sau Chiến tranh lạnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời kì Chiến tranh lạnh - Thời kì sau Chiến tranh lạnh 	Khái quát được những nét lớn về bối cảnh thế giới và khu vực tác động tới quan hệ Việt Nam và ASEAN.	Lựa chọn những sự kiện liên quan và tác động tới quan hệ VN và ASEAN.
2	<p>Việt Nam – ASEAN: Những năm tháng nghi kỵ và lạnh nhạt (1967 – 1975)</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Vấn đề Việt Nam” trong việc thành lập ASEAN - Những năm tháng nghi kỵ và lạnh nhạt giữa hai bên 	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được việc thành lập ASEAN có tác động của “nhân tố Việt Nam”. - Giải thích được vì sao Việt Nam và ASEAN lại nghi kỵ và lạnh nhạt trong giai đoạn 1967 – 1975. 	Trong thành lập ASEAN không bàn về các nhân tố nói chung, chỉ bàn về nhân tố Việt Nam.
3	<p>Việt Nam – ASEAN: Giai đoạn căng thẳng xoay quanh “vấn đề Campuchia” (1976 – 1991)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước khởi động xích lại gần nhau (1976 – 1978) 	- Trình bày được những sự kiện trong những năm	

	<ul style="list-style-type: none"> - Quan hệ căng thẳng xoay quanh “vấn đề Campuchia” (1979 – 1986) - Những động thái tiến tới hòa giải (1987 – 1991) 	<p>1976 – 1978 về bước khởi động xích lại gần nhau giữa hai bên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích vì sao vấn đề Campuchia là nguyên nhân của tình trạng căng thẳng và để lại hệ quả trong quan hệ Việt Nam – ASEAN trong những năm 1987 – 1991. - Phân tích được bước khởi động tiến tới hòa giải giữa hai bên trong những năm 1987 – 1991. 	
4	<p><i>Việt Nam – ASEAN: Từng bước tiến tới hội nhập (1992 – 1995)</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự chuyển biến của tình hình thế giới và Việt Nam (1989 – 1991) - Bước phát triển mới trong quan hệ Việt Nam – ASEAN + Phía Việt Nam + Phía ASEAN - Ý nghĩa của sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích được những chuyển biến của tình hình thế giới và Việt Nam những năm 1989 – 1991 tác động tới quan hệ Việt Nam – ASEAN. - Trình bày được những bước đi tiến tới hội nhập của hai bên. - Phân tích được ý nghĩa của sự kiện Việt Nam gia nhập ASEAN (đối với Việt Nam, đối với ASEAN và khu vực Đông Nam Á). - Thấu hiểu được Việt Nam – ASEAN hội nhập là một tất yếu, nhưng con đường đi đến hội nhập là đầy khó khăn, gập ghềnh. Có ý thức đóng góp vào củng cố và phát triển mối quan hệ giữa Việt Nam và ASEAN. 	

Chuyên đề 8: HẬU PHƯƠNG TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ

TT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<p><i>1. Một số khái niệm về hậu phương trong các cuộc chiến tranh vệ quốc và giải phóng dân tộc.</i></p> <p><i>2. Hậu phương trong kháng chiến chống Pháp (1945-</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và giải thích được một số khái niệm: Hậu phương, Tiền tuyến lớn, Hậu phương lớn XHCN 	

<p>1954)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh lịch sử của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp - Xây dựng hậu phương kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp 1946-1954: <ul style="list-style-type: none"> + Chủ trương của Đảng, Chính phủ, Hồ Chí Minh về xây dựng hậu phương + Thành tựu xây dựng hậu phương trong kháng chiến chống thực dân Pháp về chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế. + Vai trò của việc xây dựng hậu phương trong kháng chiến chống thực dân Pháp. <p>3. Hậu phương trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình hình Việt Nam sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, miền Bắc là hậu phương lớn của tiền tuyến lớn miền Nam 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày và phân tích được bối cảnh lịch sử thế giới và trong nước của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp tác động đến việc xây dựng hậu phương trong kháng chiến chống thực dân Pháp. - Nêu cục diện cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp qua các giai đoạn từ 1946 đến 1954 tác động đến xây dựng hậu phương trong kháng chiến chống thực dân Pháp. - Trình bày được chủ trương của Đảng, Chính phủ, Hồ Chí Minh trong xây dựng hậu phương trong kháng chiến chống thực dân Pháp. - Trình bày được nét chính về thành tựu đạt được trong xây dựng hậu phương kháng chiến chống thực dân Pháp trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế. - Phân tích được vai trò của hậu phương đối với thắng lợi của kháng chiến chống thực dân Pháp. - Nêu và phân tích được nét chính tình hình Việt Nam sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc tác động đến xây dựng hậu phương của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ. - Trình bày được chủ trương của Đảng trong việc xây dựng hậu phương kháng chiến chống đế quốc Mỹ. - Nêu được những nét chính về xây dựng hậu phương miền Bắc trong những năm 1954-1975 và mối quan hệ giữa tiền tuyến lớn và hậu phương lớn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. - Trình bày được những hoạt động chi viện của hậu 	
--	--	--

<p>- Xây dựng hậu phương miền Bắc trong những năm 1954-1975</p> <p>- Vai trò, vị trí của hậu phương miền Bắc trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước</p> <p>4. Nhận xét chung về vai trò của hậu phương trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ</p>	<p>phương miền Bắc cho tiền tuyến lớn miền Nam từ 1954 đến 1975.</p> <p>- Nêu được nhận xét về vai trò của hậu phương miền Bắc đối với tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam nói chung, nhất là với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</p> <p>- Có thái độ đúng đắn khi nhìn nhận vai trò của hậu phương đối với tiền tuyến, nhất là vai trò của hậu phương lớn miền Bắc đối tiền tuyến lớn miền Nam.</p> <p>- Nêu được nhận xét chung về vai trò của hậu phương góp phần vào thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ.</p>	
---	---	--

Chuyên đề 9: NGOẠI GIAO HỒ CHÍ MINH TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ (1945-1975)

TT	Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Ghi chú
	<p>1. Vài nét về tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh</p> <p>- Cơ sở lí luận và thực tiễn hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao.</p> <p>- Nội dung chính tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh</p>	<p>- Nêu được cơ sở chủ yếu hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về ngoại giao (<i>Quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin về đoàn kết Quốc tế; Ngoại giao truyền thống Việt Nam</i>)</p> <p>- Nêu và phân tích nội dung cơ bản trong tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh (phải bảo đảm lợi ích quốc gia, độc lập dân tộc, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, thống nhất đất nước, hạnh phúc, tự do của nhân dân;</p>	

	<p>2. Hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bối cảnh lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1945 - 1975) - Hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) - Hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954-1975) - Bài học kinh nghiệm từ hoạt động ngoại giao Hồ Chí Minh 	<p>bảo đảm tính nguyên tắc: chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ là thiêng liêng, bất khả xâm phạm, là cái “bất biến”; xây dựng mối đoàn kết quốc tế thống nhất; đối ngoại rộng mở; phát huy nội lực bên trong làm cơ sở tạo thắng lợi trên mặt trận ngoại giao).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày nét chính bối cảnh lịch sử thế giới và trong nước các giai đoạn 1945-1954, 1954-1975 tác động đến hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh. - Trình bày các hoạt động ngoại giao tiêu biểu của Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954), kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954-1975). - Phân tích được vai trò của các hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954) và cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954-1975) - Nêu được những bài học kinh nghiệm từ những hoạt động ngoại giao Hồ Chí Minh thời kì 1945-1975, góp phần xây dựng nền Ngoại giao Việt Nam trong thời kì Hội nhập Quốc tế. 	
--	---	---	--

IV. TỔ CHỨC DẠY HỌC VÀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

1. Phương pháp, hình thức và phương tiện dạy học

a) Phương pháp, hình thức dạy học

- Chương trình nâng cao môn Lịch sử được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực, vì vậy cần tăng cường khai thác và sử dụng các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện, phục dựng lịch sử một cách khoa học, khách quan, chân thực; đồng thời gắn với hoạt động thực hành, thực tiễn nhằm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh trong học tập môn Lịch sử. Phương pháp dạy học chủ đạo là tích cực hoá hoạt động của người học, chú trọng tổ chức cho học sinh thực hiện các hoạt động học tập gắn với những tình huống của cuộc sống, gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn; tăng cường tự học, làm việc trong nhóm nhằm phát triển các phẩm chất chủ yếu, các năng lực chung (năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo) và năng lực lịch sử cho học sinh, đáp ứng mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông.

- Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, giáo viên giúp học sinh từng bước hình thành và phát triển lòng yêu nước, tinh thần dân tộc chân chính; niềm tự hào về truyền thống lịch sử của quê hương, đất nước; phát triển các giá trị nhân văn, nhân ái, trung thực, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng và xã hội, sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, thông qua các bài học lịch sử, giáo viên truyền cảm hứng để học sinh yêu thích lịch sử, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử.

- Trong dạy học môn Lịch sử ở trường THPT chuyên, giáo viên giúp học sinh hình thành và phát triển những năng lực chung thông qua các nội dung học tập và hoạt động thực hành, thực tế. Cụ thể:

+ Năng lực tự chủ và tự học: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động học tập như thu thập thông tin từ các nguồn sử liệu; trình bày ý kiến cá nhân về sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử; khảo sát, thực hành lịch sử trên thực địa, di tích lịch sử và văn hóa ở địa phương; vận dụng kiến thức lịch sử để giải thích các vấn đề thực tế; tìm tòi, khám phá và tự học lịch sử;...

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động nhóm; hoạt động trải nghiệm tại thực địa, bảo tàng, di tích lịch sử và văn hóa; hoạt động phỏng vấn nhân chứng lịch sử;...

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: được hình thành và phát triển thông qua các hoạt động phát hiện vấn đề, nêu giả thuyết, ý kiến cá nhân về sự kiện, nhân vật lịch sử; tìm logic trong cách thức giải quyết vấn đề, đánh giá giải pháp giải quyết vấn đề trong lịch sử; vận dụng bài học kinh nghiệm lịch sử trong thực tế cuộc sống;...

- Phương pháp dạy học góp phần hình thành, phát triển năng lực lịch sử được thực hiện trên nền tảng những nguyên tắc cơ bản của khoa học lịch sử: thông qua các nguồn sử liệu khác nhau để tái hiện lịch sử, phục dựng một cách chân thực, khách quan quá trình hình thành, phát triển của các sự kiện, quá trình lịch sử, đồng thời đặt quá trình phát triển đó trong sự tương tác với các nhân tố liên quan trong suốt quá trình vận động của chúng.

- Dạy học môn Lịch sử ở trường THPT chuyên theo phương pháp dạy học tích cực, giáo viên không đặt trọng tâm vào việc truyền đạt kiến thức lịch sử cho học sinh mà chú trọng hướng dẫn học sinh nhận diện và khai thác các nguồn sử liệu, từ đó tái hiện quá khứ, nhận thức lịch sử, đưa ra suy luận, đánh giá về bối cảnh, nguồn gốc, sự phát triển của sự kiện, quá trình lịch sử để tìm kiếm sự thật lịch sử một cách khoa học, vận dụng kiến thức lịch sử vào thực tiễn, từ đó hình thành và phát triển năng lực lịch sử cho học sinh.

- Các hình thức tổ chức dạy học môn Lịch sử bao gồm các hoạt động dạy học ở trong và ngoài lớp học. Giáo viên cần tăng cường mở rộng không gian dạy học trên thực địa (di tích lịch sử, di sản văn hoá, bảo tàng, triển lãm,...), kết hợp các hoạt động dạy học trong lớp học với hoạt động trải nghiệm trên thực tế. Thông qua việc kết hợp các hình thức hoạt động đa dạng như thảo luận nhóm, làm việc nhóm, làm việc cá nhân,... giáo viên giúp học sinh trở thành “người đóng vai lịch sử” để khám phá lịch sử, vận dụng sáng tạo kiến thức vào các tình huống học tập và thực tiễn cuộc sống.

- Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông; khuyến khích học sinh tự tìm đọc, thu thập tư liệu lịch sử trên mạng Internet, trong thư viện và trong các hệ thống cơ sở dữ liệu khác để thực hiện các nghiên cứu của cá nhân hoặc nhóm; phát triển kỹ năng sử dụng các phương tiện công nghệ thông tin để hỗ trợ việc tái hiện, tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử.

b) Phương tiện dạy học

- Sử dụng thiết bị dạy học là một trong những điều kiện quyết định thành công của việc đổi mới phương pháp dạy học môn Lịch sử theo định hướng phát triển năng lực đặc biệt là đối với việc thực hiện chương trình chuyên sâu.

- Các cơ sở giáo dục thực hiện chương trình chuyên cần có các thiết bị dạy học tối thiểu như: hệ thống bản đồ (bản đồ thế giới, bản đồ các châu lục, bản đồ Đông Nam Á và Việt Nam); tranh ảnh lịch sử, sa bàn, sơ đồ, biểu đồ với sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật như máy tính, đèn chiếu, máy chiếu, tivi, radio, video, các loại băng đĩa,...

- Đối với việc thực hiện chương trình chuyên sâu cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc hướng dẫn học sinh tự học tập và bước đầu nghiên cứu khoa học, qua đó hỗ trợ việc tái hiện lịch sử thông qua các phim tài liệu, nguồn sử liệu, hình ảnh, video,... Giáo viên cần hướng dẫn học sinh khai thác, sử dụng có hiệu quả của Internet và các phần mềm tin học để đưa vào bài giảng các hình ảnh, âm thanh, tư liệu lịch sử,... góp phần nâng cao hiệu quả dạy học, tạo hứng thú học tập đối với bộ môn Lịch sử.

2. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh

- Định hướng đánh giá kết quả môn lịch sử ở trường trung học phổ thông chuyên là tăng cường các câu hỏi nhằm khai thác, sử dụng các nguồn sử liệu, tranh ảnh, lược đồ; câu hỏi mở tạo điều kiện cho học sinh tự biểu đạt chính kiến của mình về các vấn đề lịch sử, hướng tới đánh giá phẩm chất và năng lực học sinh, khắc phục tình trạng ghi nhớ sự kiện, ngày tháng, địa điểm, số liệu... một cách máy móc.

- Mục đích đánh giá kết quả giáo dục lịch sử là xác định mức độ đáp ứng của học sinh đối với yêu cầu cần đạt về kiến thức và năng lực lịch sử ở từng chủ đề, chuyên đề từng lớp học, từ đó điều chỉnh hoạt động dạy – học nhằm đạt được mục tiêu của chương trình. Hoạt động đánh giá phải khuyến khích được sự say mê học tập, tìm hiểu, khám phá các vấn đề lịch sử của học sinh; giúp học sinh có thêm sự tự tin, chủ động sáng tạo trong học tập. Thông qua đánh giá, giáo viên có thể nắm được tình hình học tập, mức độ phân hoá về trình độ học lực của học sinh trong lớp, từ đó có biện pháp giúp đỡ học sinh chưa đạt yêu cầu về kiến thức, năng lực của chương trình nâng cao, phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về lịch sử, đồng thời điều chỉnh, hoàn thiện phương pháp giáo dục lịch sử.

- Nội dung đánh giá cần chú trọng khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức lịch sử đã học trong những tình huống cụ thể, không lấy việc kiểm tra khả năng tái hiện kiến thức lịch sử, thuộc lòng và ghi nhớ máy móc làm trọng tâm.

- Hình thức kiểm tra đánh giá cần bảo đảm sự cân đối giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số, đánh giá quá trình với đánh giá định kì qua đó phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về môn lịch sử.

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Giải thích thuật ngữ

Chương trình nâng cao môn Lịch sử sử dụng một số từ ngữ để thể hiện mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt về năng lực của học sinh trường THPT chuyên. Trong bảng dưới đây, đối tượng, mức độ cần đạt được thể hiện bằng các động từ khác nhau. Trong quá trình dạy học, kiểm tra đánh giá, giáo viên có thể dùng những động từ nêu trong bảng này hoặc thay thế bằng các động từ có nghĩa tương đương cho phù hợp với tình huống sư phạm và nhiệm vụ cụ thể giao cho học sinh.

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
<i>Biết</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Biết cách tìm kiếm thông tin bằng công cụ tìm kiếm, sử dụng từ khoá tra cứu trên Internet, thư viện điện tử, thư viện truyền thống,... – Biết cách khai thác tư liệu lịch sử: bước đầu hiểu được nội dung, khai thác và sử dụng được một số tư liệu lịch sử trong quá trình học tập. – Kể được tên các sự kiện, nhân vật lịch sử trong không gian và thời gian cụ thể. – Nêu được diễn biến chính của các sự kiện, nhân vật lịch sử ở mức đơn giản, trong tình huống không thay đổi. – Liệt kê được, ghi lại hoặc kể lại được các mốc chính của một giai đoạn, quá trình lịch sử, nhân vật lịch sử,... – Phát biểu hoặc nêu được các thuật ngữ, khái niệm lịch sử cơ bản.

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vị trí của sự kiện, nhân vật, giai đoạn trong tiến trình lịch sử. – Đặt đúng vị trí của sự kiện, nhân vật, giai đoạn lịch sử (trên đường thời gian, bản đồ, biểu đồ lịch sử,...). – Kết nối được các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử có quan hệ logic hoặc có liên quan với nhau.
Hiểu	<ul style="list-style-type: none"> – Trình bày được (nói hoặc viết) các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử (từ đơn giản đến phức tạp). – Sử dụng được bản đồ, lược đồ, biểu đồ để trình bày, giới thiệu về các sự kiện, hành trình lịch sử, những biến đổi quan trọng về kinh tế, chính trị, xã hội ở một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam. – Lập được đường thời gian (timeline) hoặc xây dựng được sơ đồ tiến trình lịch sử, diễn biến chính của các sự kiện (các cuộc chiến tranh, khởi nghĩa, trận đánh lớn, các cuộc cách mạng, cải cách,...). – Giải thích được nguồn gốc, nguyên nhân, sự vận động của các sự kiện lịch sử từ đơn giản đến phức tạp; quá trình phát triển của lịch sử theo lịch đại và đồng đại. – Lí giải được mối quan hệ nhân quả trong tiến trình lịch sử (giữa các sự kiện, quá trình lịch sử; giữa điều kiện tự nhiên với sự phát triển xã hội, giữa con người với con người,...). – Phân tích được nguyên nhân thành công hay thất bại (của các sự kiện, biến cố lịch sử, phong trào cách mạng, chiến tranh, cải cách,...).

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
	<ul style="list-style-type: none"> – So sánh được sự tương đồng và khác biệt giữa các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử. – Đưa ra được những ý kiến nhận xét, đánh giá của cá nhân về các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử trên cơ sở nhận thức và tư duy lịch sử. – Phân tích được sự tiếp nối và sự thay đổi của các sự kiện, nhân vật, vấn đề trong tiến trình lịch sử. – Biết suy nghĩ theo những chiều hướng khác nhau khi xem xét, đánh giá, hay đi tìm câu trả lời về một sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử. – Phân tích được tác động, mối quan hệ qua lại giữa các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử.
<i>Vận dụng</i>	<ul style="list-style-type: none"> – Xác định được vấn đề cần giải quyết về các sự kiện, nhân vật, giai đoạn trong tiến trình lịch sử. – Tự tìm hiểu, đặt câu hỏi để khám phá những khía cạnh, bối cảnh, phương diện khác nhau của các sự kiện, nhân vật, quá trình lịch sử. – Xác định được vị trí, vai trò của sự kiện, nhân vật, vấn đề trong tiến trình lịch sử. <hr/> <ul style="list-style-type: none"> – Đưa ra được đề xuất về phương hướng giải quyết, lí giải vấn đề lịch sử. – Biết tìm tòi, khám phá thông qua sử liệu, tài liệu hoặc tham quan học tập để trả lời các câu hỏi khác nhau về một sự kiện, vấn đề, nhân vật lịch sử.

Mức độ	Động từ mô tả mức độ
	<ul style="list-style-type: none"> – Rút ra được bài học lịch sử, vận dụng được các kiến thức, bài học lịch sử để giải quyết vấn đề trong một tình huống mới. Có khả năng kết nối những vấn đề lịch sử trong quá khứ với thực tiễn đặt ra. – Hoàn thành được các bài tập đòi hỏi sự phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng kiến thức lịch sử vào những tình huống thay đổi, giải quyết vấn đề với sự sáng tạo của người học. – Xây dựng, thuyết trình được báo cáo ngắn trên cơ sở thu thập và phân tích, tổng hợp thông tin từ các nguồn sử liệu khác nhau (thông qua kết quả làm việc cá nhân hoặc của nhóm). – Có khả năng tự tìm hiểu, phát hiện những vấn đề lịch sử từ những nguồn tư liệu khác nhau, có ý thức và năng lực tự học lịch sử suốt đời.

2. Thời lượng thực hiện chương trình

Thời lượng dành cho các chuyên đề nội dung giáo dục nâng cao bắt buộc đối với mỗi lớp học là 56 tiết/năm học, dạy học trong 35 tuần. Dự kiến số tiết dành cho mỗi chuyên đề nâng cao như sau:

STT	Tên chuyên đề nâng cao	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
1	Đặc điểm các quốc gia cổ đại phương Đông và phương Tây	18		
2	Những chuyển biến của Đại Việt trong các thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII	18		
3	Những đặc điểm của truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc Việt Nam (Từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII)	20		
4	Các trào lưu cứu nước ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX		20	
5	Thế kỉ XX – thế kỉ của phong trào giải phóng dân tộc thế giới		18	
6	Vấn đề biển Đông trong quan hệ khu vực và quốc tế		18	
7	Việt Nam và ASEAN: từ đôi đầu đến hội nhập			18
8	Hậu phương trong kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ (1945-1975)			20
9	Ngoại giao Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống thực dân Pháp và kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1945 - 1975)			18

3. Kế hoạch dạy học

Kế hoạch dạy học được xây dựng theo quy định, phù hợp đặc thù riêng của môn học, bảo đảm tuân thủ một số nguyên tắc sau:

- Hoàn thành Chương trình giáo dục phổ thông môn Lịch sử kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (bao gồm 52 tiết/lớp/năm học nội dung cốt lõi, 35 tiết/lớp/năm học chuyên đề lựa chọn) và hoàn thành các chuyên đề nâng cao của Chương trình giáo dục nâng cao môn Lịch sử kèm theo Thông tư số ...2024/TT-BGDĐT ngày ...tháng năm 2024 (Nội dung giáo dục nâng cao bắt buộc (56 tiết) và nội dung giáo dục nâng cao lựa chọn (14 tiết)).
- Bảo đảm tính khả thi trong kế hoạch giáo dục chung của Nhà trường.
- Chủ động, linh hoạt; phù hợp tùy đối tượng.